**Quy trình 38: Quy trình sản xuất cây sa kê**

*(Artocarpus incisa L)*

# Phần I. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

**1. Thông tin chung**

1.1. Xuất xứ của quy trình

Quyết định 18/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

Văn bản số 1483/TT-CCN ngày 28/10/2024 của Cục trưởng Cục Trồng trọt về việc nội dung quy trình sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này bao gồm kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý sinh vật gây hại, thu hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng Sa Kê tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

- Thời gian kiến thiết cơ bản: 3 năm

- Năng suất bình quân giai đoạn kinh doanh: 18,5 tấn/ha.

- Chu kì kinh doanh: 10 năm

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm thu hoạch** | **Năng suất** (kg/ha) |
| Thứ 1 | 17.000 |
| Thứ 2 | 17.000 |
| Thứ 3 | 18.000 |
| Thứ 4 | 18.500 |
| Thứ 5 | 19.500 |
| Thứ 6 | 20.000 |
| Thứ 7 | 19.500 |
| Thứ 8 | 19.000 |
| Thứ 9 | 18.500 |
| Thứ 10 | 18.000 |

**2. Nội dung quy trình**

2.1. Yêu cầu về sinh thái

a) Nhiệt độ

Cây sa kê thích hợp trồng ở vùng có khí hậu nhiệt đới. Nhiệt độ từ 20 - 23oC và nhiệt độ trong khoảng từ 25 - 280C là thích hợp nhất.

b) Ánh sáng

Cây sa kê là cây ưa nắng, có thể trồng nơi nhiều ánh sáng hay nơi có ánh nắng một phần, cây đủ ánh nắng sẽ cho quả nhiều hơn. Nếu trồng trong râm mát cây chỉ sống được nhưng không có khả năng ra hoa kết quả. Vì thế trước khi trồng cần chọn vị trí cho thích hợp để đảm bảo được ánh sáng giúp cây ra hoa đậu quả được tốt.

c) Ẩm độ

Duy trì độ ẩm thường xuyên cho cây. Vào mùa nắng số lần và nước tưới nhiều hơn trên thân lá. Vào mùa mưa hạn chế tưới và vun mô giữ ẩm.

c) Đất trồng

Cây sa kê phát triển trên nhiều loại đất khác nhau. Để cây sinh trưởng phát triển tốt nên trồng trên đất có tầng canh tác dày trên 50 cm, đất có thành phần cơ giới nhẹ như đất thịt nhẹ, đất phù sa, đất cát pha,… Đất có hàm lượng mùn cao, giàu dinh dưỡng, tơi xốp, thoát nước tốt, độ pH từ 5,5 - 6.5.

2.2 Kỹ thuật trồng và chăm sóc

a) Giống

Sa kê có 2 loại, loại có hạt là loại bình thường và loại không hạt là loại đột biến. Loại có hạt có thể nhân giống bằng hạt. Loại không có hạt thường được nhân vô tính từ rễ hoặc chồi. Cây sa kê có thể trồng được quanh năm.

b) Mật độ trồng

Mật độ trung bình 210 cây/ha, khoảng cách cây cách cây 8m, hàng cách hàng 6m.

c) Trồng cây

Tiến hành khoét một hốc nhỏ ở giữa vị trí trồng. dùng dao rạch đáy túi dựng bầu. Đặt cây vào vị trí và rạch một đường từ trên xuống để lấy túi đựng bầu ra, đặt mặt bầu ngang mặt mô, lấp đất lại bằng mặt mô để giữ chặt cây, cắm cọc giữ cây cố định để tránh gió làm lung lay, tưới nước cho cây ngay sau khi trồng.

d) Thời vụ trồng

Cây sa kê được trồng quanh năm, nhưng chủ yếu nhất là vào mùa mưa (tháng 5 - 6).

đ) Tưới nước

Nên tưới nước vào buổi sáng, nếu trời nắng gắt có thể tưới thêm vào buổi chiều, lượng nước tùy vào từng mùa trong năm, đảm bảo đất thoát nước tốt. Sử dụng nguồn nước tự nhiên như nước giếng, nước mưa…không nên dùng nước tưới có nhiễm phèn chua, hóa chất hay bị ô nhiễm.

Sau khi tỉa cành thì 1-2 ngày tưới nước 1 lần. Tùy theo thời tiết để tăng hay giảm lượng nước tưới cho phù hợp.

e) Tủ gốc, giữ ẩm, giữ cỏ

Trong mùa nắng cần tủ gốc bằng lá dừa, rơm rạ hoặc cỏ khô trong vùng tán cây để giữ ẩm, đồng thời cũng hạn chế được cỏ dại. Chú ý, khi tủ phải cách gốc khoảng 10 cm để hạn chế các loại nấm bệnh tấn công gốc. Bên ngoài tán cây, nên giữ cỏ thường xuyên bằng các loại cây họ đậu xen với cỏ lá hẹp để giúp đất thông thoáng, tạo điều kiện cho các sinh vật đất phát triển, bảo vệ rễ cây trồng. Khi cỏ cao 30 - 40cm, cần cắt hạ để lại phần gốc cao 3 - 5cm, cỏ sau khi cắt được phủ lại dưới tán cây hoặc trải đều trên liếp làm phân xanh.

g) Tỉa cành, tạo tán

Cây sa kê cần được cắt tỉa định kỳ để loại bỏ những cành già, cành khô, cành yếu, cành bệnh hoặc cành chồng chéo nhau. Việc cắt tỉa giúp cây có dáng đẹp, thông thoáng, dễ chăm sóc và phòng chống sâu bệnh. Nên cắt tỉa vào cuối mùa khô hoặc đầu mùa mưa.

Để giảm chiều cao cho cây người ta thường chặt bớt ngọn để chống đổ khi có bão nhưng không làm giảm năng suất của cây

h) Bón phân

- Bón lót: Bón toàn bộ lượng phân hữu cơ và phân lân.

- Bón thúc: Lượng phân bón còn lại chia đều để bón thành 4-6 lần/năm. Cây trồng được 15-30 ngày bắt đầu bón lần đầu.

2.3. Quản lý sinh vật gây hại

Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

**Một số sinh vật gây hại và biện pháp phòng chống**

*Một số sinh vật gây hại chính:* rầy phấn trắng, rệp sáp, sâu đục quả.

*Biện pháp phòng chống:*

- Thường xuyên vệ sinh vườn cây và tiêu hủy tàn dư thực vật; thoát nước tốt; chủ động tưới tiêu; sử dụng phân hữu cơ hoai mục, bón phân cân đối.

- Ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non, lá bị sâu bệnh hại nặng đem tiêu hủy khi mật độ sâu thấp.

- Sử dụng sản phẩm có nấm đối kháng *Trichoderma* ủ với phân hữu cơ hoai mục; sử dụng các chế phẩm sinh học.

- Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc, có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn, nhanh phân hủy và ít ảnh hưởng đến các loài thiên địch có ích trên vườn cây.

2.4. Thu hoạch

Cây ghép sau trồng 2 năm sẽ cho quả ổn định. Khi thu hoạch dùng dao, kéo cắt quả. Để bảo quản quả, đặt nơi khô ráo và thoáng mát.

**Phần II: ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG**

Quy mô 1 ha; mật độ trung bình 210 cây/ha; khoảng cách cây cách cây 8m, hàng cách hàng 6m.

**1. Định mức vật tư nông nghiệp**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4 trở đi** |
| 1 | Giống | Cây | 210 |  |  |  |
| 2 | Vôi nông nghiệp | Kg | 400 | 400 | 400 | 400 |
| 3 | Phân chuồng | Kg | 15.000 | 15.000 | 15.000 | 15.000 |
| Phân hữu cơ vi sinh | Kg | 3.000 | 3.000 | 3.000 | 3.000 |
| 4 | Nấm đối kháng *Trichoderma* | Kg | 50 | 50 | 50 | 50 |
| 5 | Super Lân | Kg | 200 | 200 | 375 | 625 |
| 6 | Urê | Kg | 152 | 200 | 202 | 304 |
| 7 | Kali clorua (KCl) | Kg | 150 | 231 | 231 | 404 |
| 8 | Thuốc bảo vệ thực vật | Kg (lít) | 5 | 5 | 5 | 5 |

**2. Định mức công lao động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** |
| **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4 trở đi** |
| 1 | Làm đất | Công | 10 |  |  |  |
| 2 | Đào hố, trồng, và bón lót | Công | 45 |  |  |  |
| 3 | Tỉa cành | Công | 20 | 30 | 40 | 50 |
| 4 | Làm cỏ | Công | 8 | 8 | 8 | 8 |
| 5 | Phun thuốc | Công | 20 | 20 | 20 | 20 |
| 6 | Bón phân (thúc) | Công | 10 | 20 | 20 | 20 |
|  | **Tổng cộng** | **Công** | **113** | **78** | **88** | **98** |